

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-3-2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Chung;
- Ông Nguyễn Hữu Thái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/3/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số nhà 8/38, khu phố B 2, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn S ngày 26/5/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện L. Trước khi kết hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung cùng nhau ngay. Quá trình chung sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc có 01 con chung là Phạm Thu Tr, sinh ngày 19/5/2005. Đến tháng 6 năm 2014, vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn S.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Sơn có 01 con là Phạm Thu Tr, sinh ngày 19/5/2005. Hiện con đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Chị đang làm may cho tư nhân, địa chỉ: thị trấn Đ, huyện L, với mức lương là 8.000.000đ/ tháng, công việc của chị là đi về trong ngày.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về các yêu cầu khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Bị đơn anh Phạm Văn S trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Nay anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có hạnh phúc, nên chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 01 con là Phạm Thu Tr, sinh ngày 19/5/2005. Ly hôn, anh có nguyện vọng giao cho anh được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về các yêu cầu khác, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và và giữ nguyên ý kiến, quan điểm trên.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS là đúng qui định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS); Điều 24, 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn S.
- Về con chung: Chị H, anh S có 01 con. Giao chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi con là Phạm Thu Tr, sinh ngày 19/5/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh S đều không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản và các yêu cầu khác: Chị H, anh S đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

- Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST.
- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn S, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, chị Vũ Thị H có địa chỉ cư trú tại huyện L. Bị đơn, anh Phạm Văn S có địa chỉ cư trú tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, đương sự có đơn thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, nơi cư trú của nguyên đơn để giải quyết vụ án. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, anh Phạm Văn S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị H và anh Phạm văn S kết hôn trên cơ sở có tình hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện L ngày 26/5/2004, việc kết hôn giữa chị H và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau, cuộc sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc. Cả chị H, anh S đều thừa nhận, đến tháng 6 năm 2014, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, mỗi người có cuộc sống riêng, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H xin ly hôn anh S đồng ý. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Cuộc sống vợ chồng chị H, anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị H được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh S có một con chung là Phạm Thu Tr, sinh ngày 19/5/2005. Hiện con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị Hà.

Ly hôn, cả chị H và anh S đều yêu cầu nuôi con chung. Hiện chị H đi làm may cho Tư nhân tại thị trấn Đ, huyện L, với mức lương hàng tháng là 8.000.000đ, thời gian làm việc của chị là đi về trong ngày. Nên chị có thời gian, công việc và thu nhập ổn định. Do vậy chị H có đủ điều kiện đảm bảo để nuôi dạy con tốt về mọi mặt. Anh S không có vắng mặt tại gia đình và địa phương, nên anh không có thời gian đảm bảo cho việc nuôi dạy con.

Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2021 của Tòa án, cháu Tr có nguyện vọng được ở cùng mẹ (H).

Xét thấy: Từ những căn cứ nêu trên, xét nguyện vọng của con chung và để cuộc sống của cháu Trang không bị ảnh hưởng hay xáo trộn, quyền lợi của con được đảm bảo về mọi mặt. Cần giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi con là Phạm Thu Tr, sinh ngày 19/5/2005 là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về tài sản và các yêu cầu khác*: Chị H, anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều: 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 3 Điều 228, 271 và Điều

273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn S.
2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi con chung là Phạm Thu Tr, sinh ngày 19/5/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Sơn thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0005137 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lục Nam;
- THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Chu Điện;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Vĩnh Ninh, h. Vĩnh Lộc, t. Thanh Hóa;
- UBND xã Đông Phú, h. Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn

Nơi nhận :

- *TAND Tỉnh*
- *VKSND Tỉnh , Huyện .*
- *Chi cục T.H.A. dân sự huyện*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ . VP./.*

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Hoàng Văn Toàn